

Số: 3725 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh
Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3098/QĐ-BCT ngày 24/6/2011 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến 2030;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1984/TTr-SCT ngày 22/12/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025”.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương (B/c)
- TT/HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT tỉnh;
- Lưu: VT, TM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quân Chính

ĐỀ ÁN

**Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025**

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, kinh tế tỉnh Quảng Trị có bước phát triển tương đối, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,4%/năm (cao hơn mức bình quân chung của cả nước 5,96%/năm). Năm 2016, GRDP bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh tính theo giá thực tế đạt trên 36 triệu đồng/người (bằng 74,07% so với mức bình quân chung của cả nước). Cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp (Năm 2016, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,70%, khu vực dịch vụ chiếm 39,7%).

Thương mại dịch vụ phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng giá trị thương mại - dịch vụ bình quân giai đoạn 2011-2016 đạt 8,4% năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ từ 9.349 tỷ đồng năm 2011 lên 21.740 tỷ đồng năm 2016, bình quân hàng năm tăng 18,9%. Số doanh nghiệp và cơ sở kinh tế cá thể hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn và có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất so với các ngành, lĩnh vực kinh tế khác. Hệ thống phân phối hàng hóa tương đối phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa và mua sắm của người dân. Thị trường được kiểm soát ổn định, hệ thống hạ tầng thương mại có bước phát triển nhất định đã góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn phát triển.

Mặc dù có nhiều cố gắng xong khu vực thương mại dịch vụ của tỉnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động thương mại, dịch vụ còn hạn chế, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu. Các hình thức thương mại dịch vụ còn manh mún, chất lượng dịch vụ chưa cao; dịch vụ logistics chưa phát triển. Công tác quản lý nhà nước về thương mại - dịch vụ trên một số lĩnh vực còn nhiều bất cập gây cản trở trong quá trình phát triển ngành thương mại dịch vụ của tỉnh.

Để thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020, đề ra: Tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ chiếm trên 41% trong tổng GRDP của tỉnh, tốc độ tăng giá trị thương mại, dịch vụ bình quân đạt 8,5-9%/năm; Nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình thương mại dịch vụ, phát triển mạnh dịch vụ du lịch. Hình thành và phát triển mạnh dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics; Tạo môi trường ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển thì việc xây dựng và thực hiện “Đề án Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025” là hết sức cần thiết. Nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong đầu tư xây dựng

kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại thúc đẩy phát triển các loại hình thương mại - dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

- Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

- Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3098/QĐ-BCT ngày 24/6/2011 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến 2030;

- Quyết định số 6076/QĐ-BCT ngày 15/10/2012 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam – Lào đến năm 2020;

- Quyết định số 6184/QĐ-BCT ngày 19/10/2012 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến 2020 và tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 9428/QĐ-BCT ngày 13/12/2013 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 6481/QĐ-BCT ngày 26/6/2015 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035;

- Quyết định số 10147/QĐ-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương phê

duyet Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại các huyện đảo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ trên quốc lộ đến năm 2020 và định hướng đến 2030;

- Quyết định số 1594/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh”;

- Quyết định số 11476/QĐ-BCT ngày 18/12/2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 229/QĐ-BCT ngày 23/01/2017 của Bộ Công Thương phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển hệ thống kho hàng hóa tại các cửa khẩu khu vực biên giới Việt Nam - Lào và biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 – 2020;

- Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020;

- Nghị quyết số 13/2007/NQ-HĐND ngày 10/8/2007 của HĐND tỉnh về Quy hoạch kế hoạch phát triển Thương mại - Du lịch và Tuyến hàng lang kinh tế Đông - Tây giai đoạn 2007-2020, tầm nhìn đến năm 2020;

- Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo;

- Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

Phần 1

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ TRONG THỜI GIAN QUA

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

1. Hệ thống chợ

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 77 chợ (trên tổng số 130 chợ được quy hoạch). Phân theo hạng, có 04 chợ hạng I, 07 chợ hạng II và 66 chợ hạng III. Phân theo địa bàn, có 25 chợ thuộc địa bàn thành thị; có 52 chợ thuộc địa bàn nông thôn. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 32 chợ đạt chuẩn nông thôn mới. Về cơ sở vật chất, có 38 chợ kiên cố, 30 chợ bán kiên cố, 05 chợ tạm và 04 chợ đang được xây dựng. Về mô hình quản lý, có 46 chợ hoạt động theo ban quản lý, 20 chợ hoạt động theo tổ quản lý và 7 chợ do cá nhân quản lý (04 chợ đang xây dựng).

Giai đoạn 2003-2010, bằng nhiều nguồn vốn khác nhau đã đầu tư phát triển được 17 chợ (16 chợ xây mới, 01 cải tạo nâng cấp) với tổng số vốn đầu tư là 64,761 tỷ đồng; Giai đoạn 2011-2017, đầu tư phát triển được 18 chợ (16 chợ xây mới, 02 cải tạo nâng cấp) với tổng nguồn vốn đầu tư là 41.617 tỷ đồng.

Về cơ bản hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh đáp ứng được nhu cầu mua bán và trao đổi hàng hoá của người dân. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của các chợ còn hạn chế, tỷ lệ chợ tạm và chợ bán kiên cố còn nhiều. Vốn đầu tư phân bổ cho xây dựng nâng cấp, cải tạo mạng lưới chợ thời gian qua đã được bố trí song chưa đáp ứng nhu cầu, nhất là đối với các chợ ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Chợ đầu mối và chợ biên giới chưa được quan tâm phát triển. Việc xã hội hóa hoạt động đầu tư kinh doanh, khai thác và quản lý chợ theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP của Chính phủ trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn, do tỷ suất vốn đầu tư xây dựng chợ cao trong khi tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư thấp nên không hấp dẫn, khó kêu gọi đầu tư.

2. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và trung tâm hội chợ triển lãm

Theo Quy hoạch phát triển thương mại của tỉnh đến năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh có 29 siêu thị tổng hợp, 07 trung tâm thương mại. Đến nay, toàn tỉnh có 02 trung tâm thương mại, 21 siêu thị lớn nhỏ (trong đó có 03 siêu thị tổng hợp, 18 siêu thị chuyên doanh). Ngoài ra, dọc tuyến Quốc lộ 1 đoạn qua địa phận tỉnh Quảng Trị có khoảng 30 cửa hàng kinh doanh hàng Lào Thái có quy mô.

Nhìn chung, các trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh đã có sự phát triển tương đối, góp phần quan trọng trong việc thay đổi diện mạo đô thị. Các trung tâm thương mại, siêu thị và cửa hàng tổng hợp đã từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân với nhiều loại hàng hóa đa dạng, phong phú, đảm bảo chất lượng và phương thức phục vụ được nâng dần theo hướng hiện đại, văn minh. Các cửa hàng bán lẻ trên tuyến quốc lộ có sự phát triển nhanh trong thời gian gần đây, đặc biệt là các cửa hàng kinh doanh hàng Lào Thái. Tuy nhiên, phần lớn các siêu thị chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định và phân bố không đều, chủ yếu tập trung phát triển ở khu vực thành thị. Trung tâm thành phố Đông Hà thiếu các trung tâm thương mại có quy mô lớn.

Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có quy hoạch 01 Trung tâm thương mại và Hội chợ triển lãm tỉnh (hạng III), hiện UBND tỉnh đang giao Văn phòng UBND tỉnh lập⁴

Quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể Trung tâm Dịch vụ - Hội nghị kết hợp với Trung tâm Hội chợ - Triển lãm tỉnh tại đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà.

3. Hệ thống kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện có 118 cửa hàng bán lẻ xăng dầu đang hoạt động (có 12 CH loại I, 14 CH loại II và 92 CH loại III). Trong đó, trên đất liền 112 cửa hàng và 06 điểm bán xăng dầu trên mặt nước. Trong thời gian qua, hệ thống cửa hàng xăng dầu dọc tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 9 phát triển tương đối nhanh (40/112 cửa hàng). Tuy nhiên, đối với địa bàn nông thôn, miền núi và vùng sâu, vùng xa mặc dù có quy hoạch song việc đầu tư xây dựng còn chậm.

Về hệ thống kho xăng dầu, theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh có 03 kho xăng dầu, bao gồm Kho xăng dầu Hưng Phát sức chứa 200.000m³, Kho Xăng dầu Việt Lào sức chứa 200.000 m³, Kho Cửa Việt Petrolimex sức chứa 30.000m³. Đến nay, Kho xăng dầu Hưng Phát đã đi vào hoạt động với sức chứa 54.000m³, Kho Xăng dầu Việt Lào đang làm thủ tục đầu tư xây dựng.

Đối với hệ thống kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, trên địa bàn tỉnh hiện có 01 trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai và 221 cửa hàng kinh doanh bán lẻ LPG chai đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Nhìn chung, hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh hoạt động có hiệu quả, cung cấp tương đối đầy đủ nhu cầu về xăng dầu cho tiêu dùng, sản xuất và đảm bảo an ninh năng lượng. Hệ thống cửa hàng đã dần được đầu tư cơ sở vật chất theo quy chuẩn, đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ và môi trường. Mạng lưới kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất và tiêu dùng của người dân trên địa bàn tỉnh.

4. Hệ thống kho, bãi hàng hóa, trung tâm logistics

Theo Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, trên tuyến đường 9 có quy hoạch 01 trung tâm logistics (giai đoạn I 10 ha, giai đoạn II 20 ha); Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, có quy hoạch 01 khu dịch vụ tiếp vận trung chuyển hàng hóa (Logistics) khoảng 20 ha; Quy hoạch phát triển thương mại của tỉnh, có quy hoạch 01 trung tâm logistics tại Khu Công nghiệp Quán Ngang.; Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam, trên tuyến đường 9 có quy hoạch 01 cảng cạn quy mô khoảng từ 10-20ha, có thể mở rộng lên 30 ha (Ngày 08/8/2016, UBND tỉnh có văn bản số 3129/UBND-CN đề nghị Bộ GTVT chuyển vị trí cảng cạn sang vị trí phía Nam huyện Hải Lăng, gần điểm giao cắt giữa các tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 15D, đường sắt Bắc Nam. Tuy nhiên, đến nay các trung tâm logistics, cảng cạn có quy hoạch chưa được đầu tư xây dựng. Hiện nay, trên địa bàn chỉ có 03 trạm dừng nghỉ trên tuyến Quốc lộ 1 (Trạm dừng nghỉ Phú Hải 718+00, Quán Ngang Km747+00, Hải Lăng Km782+00) và một số doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ kho vận riêng lẻ.

Về Quy hoạch phát triển hệ thống kho hàng hóa tại các cửa khẩu khu vực biên giới Việt Nam - Lào đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo chuyển đổi công năng siêu thị Thiên Niên kỳ diện tích 71.200 m² (cũ) thành kho thông quan hàng hóa (mở rộng nâng cấp trong giai đoạn 2016-2025), đầu tư kho bãi mới diện tích 152.00 m² giai đoạn 2016-2035; Tại cửa khẩu quốc tế La Lay quy hoạch xây dựng kho kết hợp với bãi tổng hợp của doanh nghiệp, giai đoạn đầu tư,

2016-2025. Đến nay, siêu thị Thiên Niên Kỳ đã được chuyển đổi công năng thành kho thông quan hàng hóa của cửa khẩu quốc tế Lao Bảo.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 - Hiện trạng hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh; Phụ lục 2 - Hiện trạng vốn đầu tư xây dựng chợ giai đoạn 2011-2017)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua đã có sự phát triển tương đối, với sự xuất hiện của các hạ tầng thương mại hiện đại đã thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong tỉnh, cũng như đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh cơ bản đã tuân thủ quy hoạch, đáp ứng nhu cầu phát triển, đáp ứng yêu cầu phục vụ văn minh hiện đại. Hoạt động kinh doanh đối với ngành nghề có điều kiện như xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, rượu, thuốc lá... giám sát chặt chẽ.

- Việc thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại đã được quan tâm, nhất là đối với thành phố Đông Hà. Trong giai đoạn 2011-2017 đã thu hút đầu tư được 01 siêu thị hạng III (Siêu thị CoopMart) và 01 Tổ hợp Trung tâm thương mại và khách sạn Mường Thanh.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và đề án liên quan đến quản lý, phát triển hệ thống hạ tầng thương mại được triển khai thường xuyên.

2. Hạn chế, tồn tại

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của một số chợ chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các điều kiện về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Hệ thống chợ đầu mối, bán buôn hàng hóa, chợ nông thôn và chợ biên giới chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; chưa có các trung tâm giao dịch nông sản, các chợ đầu mối tiêu thụ các nông sản có lợi thế của địa phương.

- Hạ tầng dịch vụ logistics (nhất là trên tuyến Hành lang Kinh tế Đông - Tây), trung tâm thương mại và Hội chợ triển lãm của tỉnh chưa được đầu tư xây dựng.

- Các hạ tầng thương mại phục vụ du lịch (siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, các điểm thương mại dịch vụ tại khu du lịch...) còn ít, chất lượng dịch vụ chưa cao.

- Chưa phát triển được hệ thống cửa hàng xăng dầu gắn liền với điểm kinh doanh thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đối với các cửa hàng xăng dầu trên tuyến quốc lộ 1.

- Công tác thu hút đầu tư, huy động nguồn vốn xã hội hóa vào phát triển cơ sở hạ tầng thương mại còn nhiều hạn chế. Trình độ tổ chức quản lý, vận hành và kinh doanh các cơ sở hạ tầng thương mại còn thấp, nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu trong xu thế hội nhập.

- Công tác quản lý nhà nước đối với hạ tầng thương mại còn nhiều bất cập: Còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong quản lý nhà nước đối với phát triển hạ tầng thương mại, đặc biệt là bố trí vốn đầu tư xây dựng chợ.

Phần 2
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2017-2020

I. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2017-2020

1. Dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng thương mại

a) Dự báo về tăng trưởng kinh tế

Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 7,5-8%%, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 68 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Xây dựng chiếm khoảng 40,5%, dịch vụ chiếm khoảng 41%, nông lâm ngư nghiệp chiếm khoảng 18,5%.

b) Định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng thương mại

- Công nghiệp - Xây dựng: Nhịp độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8,9%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,5-11%/năm.

- Dịch vụ: Phấn đấu tốc độ tăng giá trị thương mại - dịch vụ bình quân đạt 8,5-9%/năm; Nâng cao chất lượng và hiệu quả các loại hình dịch vụ, phát triển mạnh dịch vụ du lịch; Phát triển mạnh dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics.

- Nông nghiệp - nông thôn: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới; Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững; Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 3,5-4%.

- Phát triển hạ tầng: Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, quan tâm đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Đông Nam, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu vực Cửa khẩu quốc tế La Lay, đề xuất thành lập Khu Kinh tế cửa khẩu La Lay; Nâng cấp, mở rộng cảng Cửa Việt, mở tuyến tránh Quốc lộ 1 đi qua thị xã Quảng Trị, thành phố Đông Hà, nâng cấp xây dựng tuyến Quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay với cảng Mỹ Thủy; nâng cấp mở rộng theo quy hoạch Quốc lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến Quốc lộ 1.

- Phát triển đô thị: Phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị, nâng cấp hạ tầng thành phố Đông Hà đạt chuẩn đô thị loại II; thị xã Quảng Trị và Lao Bảo đạt chuẩn đô thị loại III; Xây dựng phát triển các đô thị Tà Rụt, Hướng Phùng, Mỹ Chánh, Nam Cửa Việt (Bồ Bản); Xây dựng Bảo tàng Thành cổ Quảng Trị.

2. Dự báo một số chỉ tiêu liên quan đến phát triển hạ tầng thương mại

a) Dự báo phát triển dân số, hộ gia đình

Năm 2015 dân số của tỉnh là 620.410 người, mật độ trung bình 131 người/km². Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, Quảng Trị sẽ có khoảng 650.000 người, trong đó dân số thành thị sẽ chiếm khoảng 35% vào năm 2020 và lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh là 349.715 người, chiếm trên 55% dân số của tỉnh.

b) Dự báo phát triển thu nhập và sức mua của dân cư ảnh hưởng đến phát,

triển hạ tầng thương mại

Với dự gia tăng quy mô dân số của tỉnh và dự báo thu nhập bình quân đầu người của người dân Quảng Trị đến năm 2020 đạt trên 64 triệu, tăng gấp 2 lần so với năm 2015 nên sức mua của người dân trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới sẽ có sự cải thiện đáng kể.

3. Các xu hướng ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng thương mại

- Xu hướng phát triển sản xuất: Chất lượng hàng hóa ngày càng nâng cao được nâng cao; Xu hướng sản xuất hướng đến sản phẩm sạch, an toàn và thân thiện với môi trường; Hàng hóa được chuyên môn hóa cao, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm và tập trung vào nhiều phân khúc thị trường để phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của mọi tầng lớp tiêu dùng.

- Xu hướng tiêu dùng: Dự báo các loại hình thương mại dịch vụ văn minh, hiện đại, thương mại điện tử sẽ thay đổi dần thói quen mua bán truyền thống. Tuy nhiên, chợ và cửa hàng tổng hợp sẽ vẫn là những kênh bán lẻ quan trọng phục vụ nhu cầu đời sống của người dân, nhất là đối với khu vực nông thôn. Nhu cầu về thực phẩm sạch, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm sẽ được quan tâm nhiều hơn.

- Xu hướng phát triển các phương thức kinh doanh thương mại: Xu hướng gia tăng mối liên kết giữa các nhà sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong cùng một kênh phân phối và gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường bán lẻ sẽ kéo theo xu hướng nâng cao chất lượng dịch vụ; Hệ thống siêu thị mini và hệ thống của hàng tổng hợp, cửa hàng tiện lợi tại khu vực nông thôn sẽ phát triển mạnh; Xu hướng phát triển thương mại điện tử sẽ thay cho loại hình bán lẻ truyền thống.

- Xu hướng hội nhập: Các cam kết WTO về mở cửa hoàn toàn thị trường phân phối cùng các hiệp định thương mại thế hệ mới (TPP, EVFTA), cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ hướng đến một sân chơi thương mại không biên giới, trong thời gian tới các hãng bán lẻ nước ngoài sẽ xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường bán lẻ của Việt Nam, cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2017-2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

I. Quan điểm

- Phát triển hạ tầng thương mại đảm bảo đồng bộ, tương thích với hệ thống kết cấu hạ tầng chung của tỉnh; phù hợp với quy hoạch phát triển thương mại, quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch phát triển nông thôn của tỉnh; gắn phát triển hạ tầng thương mại với phát triển du lịch, thương mại dịch vụ của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại đồng thời bảo đảm duy trì và phát huy được các yếu tố truyền thống đặc trưng, điển hình của địa phương, gắn việc phát triển hạ tầng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của từng hạ tầng thương mại.

- Phát triển và khai thác có hiệu quả hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và chợ trên địa bàn tỉnh, đồng thời quan tâm phát triển hạ tầng thương mại tuyến Quốc lộ 1, tuyến Quốc lộ 9, tuyến đường Hồ Chí Minh và các địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tận dụng triệt để cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh để huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại; Tăng cường công tác tổ chức quản lý hạ tầng thương mại nhằm ổn định và tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Quan tâm phân bổ và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển hạ tầng thương mại nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa đúng mục đích và có hiệu quả.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hạ tầng thương mại. Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng thương mại để góp phần củng cố và cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và du lịch phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng của nhân dân, đóng góp lớn vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể từ nay đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh:

- Xây mới thêm 12-20 chợ, nâng cấp sửa chữa 11 chợ theo quy hoạch;
- Thu hút đầu tư mới từ 01 đến 02 siêu thị tổng hợp theo quy hoạch;
- Thu hút đầu tư mới từ 01 đến 02 trung tâm thương mại; xây dựng hoàn thành Trung tâm thương mại và Hội chợ triển lãm tỉnh (hạng III);
- Thu hút đầu tư xây dựng từ 01 đến 02 trung tâm giao dịch nông sản (chợ đầu mối) bán buôn nông sản và thực phẩm sạch;
- Thu hút đầu tư mới 01 đến 02 kho dự trữ xăng dầu trên địa bàn tỉnh;
- Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics tại thành phố Đông Hà, Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, Cửa khẩu Quốc tế La Lay, Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo, Cảng Cửa Việt, Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Khu công nghiệp Quán Ngang;
- Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng cảng cạn phía Nam huyện Hải Lăng (vị trí ngã 3 giao Quốc lộ 1, Quốc lộ 15 D và đường sắt Bắc - Nam);
- Tiếp tục phát triển thêm từ 03 đến 05 cửa hàng xăng dầu loại I kết hợp với điểm thương mại dịch vụ trên tuyến Quốc lộ 1.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 - Danh mục các dự án hạ tầng thương mại trọng điểm trên địa bàn tỉnh; Phụ lục 4 - Danh mục các chợ cần nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020)

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

I. Phát triển hệ thống chợ

- Thực hiện rà soát loại bỏ khỏi quy hoạch các chợ đã quy hoạch nhưng không còn phù hợp, xem xét bổ sung các chợ thật sự có nhu cầu, nhất là đối với chợ nông thôn phục vụ liên xã, liên vùng để đầu tư xây dựng.

- Nâng cấp, cải tạo các chợ hạng 1, hạng 2 hiện có và bố trí xây mới các chợ hạng 3 trên địa bàn, đặc biệt là chợ nông thôn đã quy hoạch; Xem xét ưu tiên bố trí vốn xây dựng các chợ đầu mối, bán buôn nông sản, thủy sản, các chợ biên giới, miền núi gắn với dân sinh trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút, tạo điều kiện để nhiều thành phần tham gia quản lý, kinh doanh và khai thác chợ; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã địa phương tham gia quản lý và kinh doanh, khai thác chợ.

- Từng bước chuyển đổi từ mô hình ban quản lý chợ, tổ quản lý chợ sang các hình thức doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý chợ.

2. Phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại

- Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý siêu thị, trung tâm thương mại theo Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại ban hành tại Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004.

- Tích cực kêu gọi đầu tư các dự án xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp tại thành phố Đông Hà, thị trấn Hồ Xá, thị xã Quảng Trị và thị trấn Lao Bảo gắn với việc phát triển các điểm du lịch.

3. Phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng

- Rà soát quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh: Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên mặt nước của tỉnh nhằm đảm bảo cung ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên sông, trên biển.

- Khuyến khích phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu kết hợp với điểm kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp, nhất là đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên tuyến quốc lộ 1, quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các nhà đầu tư sớm xây dựng Kho Xăng dầu Việt Lào giai đoạn 1 với sức chứa 60.000m³, Kho Cửa Việt Petrolimex sức chứa giai đoạn 12.000m³.

- Phát triển loại hình cửa hàng chuyên doanh các sản phẩm khí dầu mỏ hóa lỏng, đi đôi với quản lý chặt chẽ vấn đề đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ; Rà soát, chuẩn hóa các cửa hàng kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn.

4. Phát triển hệ thống các cửa hàng bán lẻ hiện đại ở thành thị và các cửa hàng tổng hợp, cửa hàng tiện lợi và siêu thị mini ở khu vực nông thôn

- Khuyến khích phát triển chuỗi cửa hàng bán lẻ tiện ích, chuyên doanh, tổng hợp bán các mặt hàng thiết yếu phù hợp, hình thành mạng lưới phân phối hàng hóa phủ khắp toàn tỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của người dân.

- Khuyến khích tư nhân đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại ở khu vực nông thôn như cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini.

- Khuyến khích phát triển chuỗi cửa hàng bán hàng Lào Thái trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tuyến Quốc lộ 1, tuyến Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh.

5. Phát triển hệ thống kho, bãi hàng hóa, trung tâm logistic, cảng cạn

Tập trung thực hiện Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh; Khuyến khích mở rộng đầu tư xây dựng các trạm dừng nghỉ và cảng cạn trên địa bàn tỉnh.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về quy hoạch

Rà, soát, quy hoạch phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh; tập trung quy hoạch phát triển các kho dự trữ và phân phối xăng dầu (bao gồm cả kho tuyến sau, kho đầu mối, ngoại quan và kho trung chuyển sang Lào), các trung tâm dịch vụ logistics; quan tâm phát triển các điểm thương mại dịch vụ gắn với phát triển du lịch, các điểm thương mại dịch vụ dọc tuyến Quốc lộ 1 và tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây để thu hút, kêu gọi đầu tư.

2. Giải pháp về đất đai

- Trên cơ sở Quy hoạch phát triển thương mại của tỉnh đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo và kết quả rà soát quy hoạch thương mại hàng năm; Các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm để đảm bảo quỹ đất phát triển hạ tầng thương mại, ưu tiên lựa chọn các vị trí có quỹ đất phù hợp, thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư hạ tầng thương mại trọng điểm, khai thác tối ưu quỹ đất phi nông nghiệp hoặc đất nông nghiệp có hiệu quả thấp để chuyển đổi sang đất thương mại, dịch vụ.

- Áp dụng ưu đãi về đất đai cho các dự án đầu tư hạ tầng thương mại thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý tài nguyên và môi trường liên quan đến hoạt động đầu tư, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, đảm bảo thuận lợi cho nhà đầu tư.

3. Giải pháp về vốn

- Khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư, quản lý khai thác phát triển hạ tầng thương mại, nhất là hệ thống chợ thành thị.

- Đối với ngân sách tỉnh, hàng năm bố trí kinh phí để thực hiện Đề án; Đối với vốn đầu tư phát triển chợ cần quan tâm, ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây mới theo Nghị quyết 02/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 của HĐND tỉnh, phần còn lại địa phương tự chủ động. Các địa phương nâng cao hiệu quả quản lý chợ, tạo nguồn thu để tái đầu tư chợ trên địa bàn.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, đặt biệt nguồn vốn thuộc đối tượng và mục tiêu hỗ trợ quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, vốn thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020 được phê duyệt tại Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, các nguồn vốn ODA, từ các chương trình, dự án để lồng ghép, hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, đặt biệt là đối với các công trình trọng điểm.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông để thu hút đầu tư phát triển hạ tầng

thương mại và ý thức chấp hành các quy định trong việc quản lý, sử dụng các công trình hạ tầng thương mại.

- Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh và khai thác chợ theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả các cơ chế hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh.

- Tham mưu trong việc phân bổ và sử dụng các nguồn vốn đầu tư hạ tầng thương mại, trong đó có nguồn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, thiết thực và đúng mục đích.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường giám sát việc tuân thủ các quy trình hành chính minh bạch, công khai nhằm tạo môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại.

5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Thu hút nguồn nhân lực có chất lượng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trang bị hỗ trợ kiến thức và nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống hạ tầng thương mại.

- Định kỳ tổ chức các lớp tập huấn, khóa đào tạo ngắn ngày phổ biến kiến thức pháp luật, nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng tiếp cận mở rộng thị trường, các nghiệp vụ theo quy định đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cho các thương nhân, hộ kinh doanh, công nhân, nhân viên của các doanh nghiệp.

6. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp hoạt động trong đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng thương mại. Trong đó chú trọng đến việc yêu cầu các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường ngay từ khâu lập dự án đầu tư.

Phần 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025 là 998 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư các dự án hạ tầng thương mại trọng điểm khoảng 984,3 tỷ đồng (không bao gồm các dự án đầu tư dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh trong Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh). Trong đó, vốn đầu tư các dự án hạ tầng thương mại trọng điểm khoảng 860 tỷ đồng, vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo chợ khoảng 124,3 tỷ đồng, phân bổ như sau:

- Đối với vốn đầu tư các dự án hạ tầng thương mại trọng điểm:

+ Thực hiện theo hình thức xã hội hóa 100% , thông qua thu hút, kêu gọi đầu tư từ các thành phần kinh tế.

+ Ngân sách tỉnh bố trí nguồn vốn để hỗ trợ, ưu đãi cho các nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh.

- Đối với vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo chợ:

+ Ngân sách tỉnh bố trí nguồn vốn hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng để đầu tư xây mới chợ nông thôn theo Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 28/6/2014 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tính đến năm 2020.

+ Ngân sách cấp huyện quản lý (bao gồm nguồn ngân sách tỉnh cân đối cho cấp huyện; nguồn ngân sách cấp huyện; nguồn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới phân bổ cho cấp huyện, cấp xã; các nguồn tài trợ hợp pháp khác) đối ứng đầu tư xây mới hoặc nâng cấp chợ trên địa bàn.

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ xây dựng chợ miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh theo Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020.

+ Phần còn lại thực hiện theo chính sách xã hội hóa đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác kinh doanh chợ theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh; theo chính sách xã hội hóa từ đấu giá lô, quầy trong chợ; đấu giá lô, quầy trong chợ và huy động đóng góp của nhân dân.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện các nội dung trong Đề án; Tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về phát triển hạ tầng thương mại;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương kêu gọi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì phối hợp với các huyện miền núi xây dựng Đề án phát triển chợ ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa trình Bộ Công Thương phê duyệt hỗ trợ;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, các hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, trình độ quản lý cho cán bộ quản lý nhà nước và thương nhân hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và quản lý hoạt động hệ thống hạ tầng thương mại.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định chủ trương đầu tư và phân bổ nguồn vốn cho các dự án hạ tầng thương mại, đặc biệt là đầu tư chợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 theo đúng Luật Đầu tư công;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương tham mưu chủ trương đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định các dự án hạ tầng phát triển thương mại của các nhà đầu tư theo đúng Luật Đầu tư.

3. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các đơn vị liên quan khác¹³

tham mưu UBND tỉnh chủ trương đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng thương mại từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các chủ đầu tư lập quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế xây dựng các công trình hạ tầng thương mại theo quy định của Luật Xây dựng;

- Thẩm định và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt theo phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh được duyệt;

- Thực hiện chức năng quản lý chất lượng, cấp phép xây dựng các công trình xây dựng về hạ tầng thương mại theo thẩm quyền.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Trên cơ sở nội dung đề án, chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan, rà soát, cập nhật, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai;

- Tham mưu UBND tỉnh giải quyết thủ tục về đất đai cho các nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật;

- Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư hạ tầng thương mại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tăng cường kiểm tra việc triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường của các dự án đầu tư hạ tầng thương mại; Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường của các công trình hạ tầng thương mại thuộc cấp quản lý.

6. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và các địa phương liên quan rà soát, kêu gọi đầu tư phát triển các trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ và đường Hồ Chí Minh đoạn đi qua địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư tiến hành thủ tục đầu nối các công trình hạ tầng thương mại và hệ thống giao thông trên đại bàn tỉnh.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và các địa phương liên quan rà soát, kêu gọi đầu tư phát triển các điểm thương mại dịch vụ tại các khu du lịch trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 gắn với việc lồng ghép thực hiện phát triển cơ sở hạ tầng thương mại đối với khu vực nông thôn.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế

- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Sở Công Thương trong việc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, cấp Giấy phép đầu tư đối với các dự án hạ tầng thương mại trong Khu kinh tế;

- Tích cực phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và các cơ

quan liên quan trong việc kêu gọi đầu tư dịch vụ logistics tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.

10. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển miền núi, vùng sâu, vùng xa lồng ghép với việc hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thương mại tại các địa bàn này.

11. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành đề xuất nâng cấp các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đất liền để tạo điều kiện hình thành và phát triển hệ thống chợ biên giới trên địa bàn tỉnh.

12. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại.

13. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phát triển hạ tầng thương mại; Xác định nguồn gốc đất đai, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng khi nhà đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định;

- Phối hợp Sở Công Thương xây dựng Đề án đầu tư xây dựng chợ miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn theo Quyết định số 1094/QĐ-BCT ngày 22/3/2016 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định về quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các dự án, đề án, nhiệm vụ triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020;

- Phối hợp tốt với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp chợ trên địa bàn; thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn, trong đó tích cực thu hút phát triển hạ tầng thương mại theo hình thức xã hội hóa./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quân Chính



Phụ lục I

HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. HỆ THỐNG CHỢ

TT	Tên chợ	Địa điểm	Hiện trạng											Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Hạng chợ	Tình chất chợ	Hiện trạng chợ	Số hộ kinh doanh			Mô hình tổ chức quản lý	Tiêu chí nông thôn mới		
								Thường xuyên	Không thường xuyên	Tổng cộng		Đạt chuẩn NTM	Năm đăng ký đạt chuẩn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I TP. ĐÔNG HÀ														
1	Chợ Đông Hà	Phường 1	33.660	21.177	I	ĐS	KC	1.457	343	1.800	BQL	-		
2	Lê Lợi	Phường 5	1.680		III	ĐS	BKC	95	72	167	TQL	-		
3	Đông Lương	Phường Đông Lương	3.042	1.500	III	ĐS	BKC	75	47	122	TQL	-		
4	Phường 4	Phường 4	1.605		III	ĐS	BKC	120	50	170	TQL	-		
5	Phường 3	Phường 3	1.000		III	ĐS	BKC	60	20	80	TQL	-		
6	Phường 5 (Hàm Nghi)	Phường 5	2.503		III	ĐS	BKC	220	97	317	TQL	-		
7	Trung Chi	Phường Đông Lương	3.100	800	III	ĐS	BKC	115	78	193	TQL	-		
8	Chợ 1/5	Phường Đông Lương	1.360	500	III	ĐS	BKC	46	30	76	TQL	-		
9	Hoà Bình	Phường 5	8.750	7.560	III	ĐS	KC	30	25	55	CN	-		
II TX. QUẢNG TRỊ														
10	Chợ Quảng Trị	Phường 2	16.000	1400	I	ĐS	KC	800	100	900	BQL	-		
11	Hải Lệ	Xã Hải Lệ	650	650	III	ĐS	BKC	50	20	70	TQL	x		
12	Ba Bùn	Phường 2	4.000	880	III	ĐMGS	Tạm	30	10	40	TQL			
III H. VINH LINH														
13	Hố xã I	Kh. Hữu Nghị	11.250	11.250	II	ĐS	KC	316	100	4160	BQL	-		
14	Hố xã II	Kh. Lao Động	2.000	2.000	III	ĐS	KC	45	50	95	BQL	-		
15	Hố xã III	Khóm Chợ Huyện	2.403	2.403	III	ĐS	KC	91	60	151	BQL	-		
16	Trung tâm TT Cửa Tùng	Thôn An Đức II, TT Cửa Tùng	2.500	2.500	III	ĐS	BKC	25	50	75	BQL	-		
17	Chợ Do	Xã Vinh Tân	9.500	9.500	II	ĐS	KC	400	80	480	BQL	x		
18	Thủy Căn	Hương Bắc - Vinh Kim	5.000	5.000	III	ĐS	KC	60	50	110	TQL	x		
19	Nam Cường	Xã Vinh Nam	4.000	4.000	III	ĐS	BKC	20	30	50	TQL			

20	Thủy Trung	Xã Vĩnh Trung	795	795	III	DS	BKC	19	30	49	TQL		
21	Thủy Ba Tây	Thôn Tây, Vĩnh Thủy	3.000	3.000	III	DS	BKC	27	30	57	TQL	x	
22	Đức Xá	Xã Vĩnh Thủy	2.500	2.500	III	DS	BKC	34	30	64	TQL	x	
23	Chợ TT xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	1.000	1.000	III	DS	BKC	8	30	38	TQL	x	
24	Chợ Bến Quan	TT Bến Quan	3.500	3.500	III	DS	KC	65	50	115	BQL	-	
25	Tiền An	Xã Vĩnh Sơn	2.000	2.000	III	DS	BKC	44	30	74	CN	x	
26	Vĩnh Mộc	Xã Vĩnh Thạch	3.000	3.000	III	DS	BKC	20	30	50	TQL	x	
IV	H. GIO LINH												
27	Chợ Cầu	TT Gio Linh	8.882		I	DS	KC	240	70	310	BQL	-	
28	Nam Đông	Gio Sơn	7.108		III	DS	KC	200	70	270	BQL	x	
29	Chợ Kén	Trung Sơn	10.500		III	DS	KC	180	6	186	BQL	x	
30	Gio An	Gio An	1.000		III	DS	BKC	25	5	30	TQL		
31	Chợ Hóm	Gio Việt	589		III	DS	KC	150	30	180	CN		
32	Chợ Mai xá	Gio Mai	3.400		III	DS	BKC	55	100	155	TQL		
33	Chợ Bàn	Trung Giang	1.500		III	DS	BKC	18	6	24	CN		
34	Gio Hải	Gin Hải	7.200		III	DS	BKC	11	29	40	BQL	x	
35	Chợ Đốc Miếu	Gio Phong	400		III	DS	BKC	23	12	35	CN		
36	Chợ Hải Thái	Hải Thái	1.400		III	DMNS	DX	40		40	CN		
37	Chợ TT Cửa Việt	TT Cửa Việt	18.670		III	DMTS	KC	150	50	200	BQL	-	
V	H. CAM LỘ												
38	Chợ Trung Tâm	TT Cam Lộ	7.332		II	DS	KC	178	100	278	BQL	-	
39	Chợ Phiến	TT Cam Lộ	4.929		III	DS	KC	190	120	310	BQL		
40	Ngã Tư Sông	Cam Thanh	11.230		III	DS	KC	212	50	262	BQL	x	
41	Chợ Cửa	Cam Chính	3.780		III	DS	KC	106	35	141	BQL	x	
42	Cam Hiếu	Cam Hiếu	2.192		III	DS	BKC	50	25	75	TQL		
VI	H. TRIỆU PHONG												
43	Chợ TT Ai Tử	Xã Thị trấn Ai Tử	27.280		II	DS	KC	140	150	290	BQL	-	
44	Chợ Cạn	Xã Triệu Sơn	3.200		III	DS	BKC	20	75	95	BQL	x	
45	Bò Bàn	Xã Triệu Phước	4.000		III	DS	KC	190	115	305	BQL	x	
46	Chợ Chùa	Xã - Triệu Phước	5.200		III	DS	KC	60	97	157	BQL	x	
47	Chợ Sãi	Xã Triệu Thành	3.060		III	DS	KC	20	28	48	BQL	x	
48	Chợ Triệu Lăng	Xã Triệu Lăng	3.200		III	DS	KC	29	25	54	BQL	x	
49	Chợ Thuận	Xã Triệu Đại	7.000		III	DS	KC	97	150	247	BQL	x	
50	Chợ Triệu Tài	Xã Triệu Tài	2.000		III	DS	KC	64	70	134	TQL	x	
51	Chợ Hà Tây	Xã Triệu An	3.539		III	DS	DXD						
52	Triệu Đông	Triệu Đông	3.540		III	DS	DXD						
53	Triệu Thuận	Triệu Thuận	4.800			DS	Tạm	52	105	157	TQL		

54	Chợ Gia Độ	Triệu Độ	3.400			DS	Tạm	20	60	80	TQI.			
VII	H. HẢI LANG													
55	TT Hải Lăng	Thị trấn	3966		III	DS	KC	70	72	142	BQL	-		
56	Diễn Sanh	Hải Thọ	6.252	3.410	II	DS	KC	113	67	180	BQL	x		
57	Phượng Lang	Hải Ba	6.926	547	III	DS	KC	175	63	238	BQL	x		
58	Long Hưng	Hải Phú	3000	450	III	DS	KC	24	25	49	BQL	x		
59	Hải An	Hải An	1755	475	III	DS	KC	12	20	32	BQL	x		
60	Hải Khê	Hải Khê	2400	394	III	DS	KC	14	23	37	BQL	x		
61	Mỹ Chánh	Hải Chánh	2721	1.182	II	DS	KC	85	62	147	BQL	x		
62	Hải Hòa	Hải Hoà	2140	496	III	DS	KC	42	45	87	BQL	x		
63	Hải Xuân	Hải Xuân	1612		III	DS	Tạm	80	25	105	BQL	x		
64	Hải Dương	Hải Dương	2.500	2080	III	DS	DX	14	15	29				2017
65	Cô Lũy	Hải Ba	500		III	DS	Tạm	30	20	50				
66	Kim Long	Hải Quế	2.700	800	III	DS	KC	41	34	75	BQL	x		
67	Bến Đá	Hải Trường	4250	1000	III	DS	DX	24	23	47	BQL			2018
68	Hải Tân	Hải Tân	3496	700	III	DS	KC	32	22	54	BQL	x		
VIII	H. ĐAKRÔNG													
69	Chợ TT Thị trấn Krông Klang	TT KrôngKlang	3.550		II	DS	KC	200	50	250	BQL	-		
IX	H. HƯƠNG HÓA													
70	Khe Sanh	TT Khe Sanh	8699		II	DS	KC	301	50	351	BQL			
71	Tân Long	Xã Tân Long	3296		III	DMNS	BKC	118	100	218	BQL	x		2017
72	Hương Phùng	Xã Hương Phùng	1000		III	BG	BKC	16	10	26	BQL			
73	Tân Lập	Xã Tân Lập	1000		III	DS	BKC	32	20	52	BQL			
74	Tân Phước	TT Lao Bảo	2000		III	BG	BKC	150	50	200	BQL			
75	Tân Liên	Tân Liên	807		III	BG	BKC	66	20	86	BQL	x		
76	Thuận	Xã Thuận	1000		III	BG	BKC	12	10	22	BQL			
77	Trung tâm TM Lao báo	TT Lao Bảo	9000		II	BG	KC	500	100	600	BQL	-		

II. HỆ THỐNG TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

TT	Tên công trình	Địa điểm	Hiện trạng		Loại hình kinh doanh		Ghi chú
			Hạng công trình	Diện tích đất (m ²)	Tổng hợp	Chuyên doanh	
1	Trung tâm thương mại Lao Bảo	Thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	III	9.000	x		
2	Tổ hợp Trung tâm thương mại và khách sạn Mường Thanh	Số 68, Lê Duẩn, thành phố Đông Hà	III	3.300	x		

III. HỆ THỐNG SIÊU THỊ

TT	Tên công trình	Địa điểm	Hiện trạng		Loại hình		Ghi chú
			Hạng công trình	Diện tích đất (m ²)	Tổng hợp	Chuyên doanh	
I TP. ĐÔNG HÀ							
1	Siêu thị Co.opmart Đông Hà	Số 2, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà	I	5.472	x		
2	Siêu thị Điện Máy Xanh	Số 257, đường Lê Duẩn, thành phố Đông Hà	-	600		x	
3	Siêu thị Điện Máy Xanh	Số 11, Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà	-	700		x	
4	Siêu thị Thế giới Di động	Số 01 Hùng Vương, P.1, TP.Đông Hà	-	400		x	
5	Siêu thị Thế giới Di động	Số 471 Lê Duẩn, khóm Trung Chi, P. Đông Lương, TP. Đông Hà	-	300		x	
6	Siêu thị điện máy Kim Nguyên	Số 7, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà	-	500		x	
7	Siêu thị điện máy Lê Dũng	Số 9, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà	-	500		x	
8	Siêu thị điện máy Trần Anh	Số 246 đường Lê Duẩn, thành phố Đông Hà	-	1.000		x	
9	Siêu thị Thăng Bình	Số 37 Hùng Vương, thành phố Đông Hà	III	614		x	
10	Siêu thị Sepon	Số 01, Phan Bội Châu, thành phố Đông Hà	III	600	x		
11	Siêu thị Tân Tạo	12A Hùng Vương, thành phố Đông Hà	III	500	x		
12	Siêu thị Hoàng Huy	38, Tôn Thất Thuyết, thành phố Đông Hà	III	970		x	
13	Siêu thị Hoàng Yến	Quốc lộ 1A, thành phố Đông Hà	III	445		x	
II TX. QUẢNG TRỊ							
14	Siêu thị điện máy xanh	Số 44 Lê Duẩn, phường 3, thị xã Quảng Trị	-			x	
III H. VĨNH LINH							
15	Siêu thị Hải Hòa	Đường Lê Duẩn, thị trấn Hồ Xá	-	500		x	
16	Siêu thị điện máy FPT	Đường Lê Duẩn, thị trấn Hồ Xá	-	300		x	
IV H. GIO LINH							
17	Siêu thị Điện máy xanh	Số 237 Lê Duẩn, TT. Gio Linh	-	500		x	
V H. CAM LỘ							
18	Siêu thị Điện máy Xanh	Số 330 Đường 2/4, TT. Cam Lộ	-	500		x	

VI	H. HẢI LĂNG					
19	Siêu thị điện máy Xanh	Số 75 Hùng Vương, TT. Hải Lăng	-	500		x
II	H. HƯƠNG HÓA					
20	Siêu thị điện máy xanh	Số 67-69 Lê Duẩn, khối 3A, TT. Khe Sanh	-	500		x
21	Siêu thị điện máy xanh	Số 156 Quốc Lộ 09, TT. Lao Bảo	-	500		x

IV. HỆ THỐNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU

TT	Cửa hàng xăng dầu hiện có	Địa chỉ cửa hàng	Thuộc tuyến (đường)	Diện tích đất (m ²)	Diện tích hán hàng (m ²)	Sức chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)	Năm xây dựng	Xếp loại CH	Ghi chú
I	Thành phố Đông Hà	15 cửa hàng								
1	CH XD số 18	Số 439 Lê Duẩn, P. Đông Lương	Quốc lộ 1A	333	96	60	4			
2	CH XD số 19	Số 582 Lê Duẩn, P. Đông Lương	Quốc lộ 1A	300	54	35	2			
3	CH XD số 5	QL.9, P. I, Đông Hà	Quốc lộ 9	1.078	83.74	75	5			
4	CH XD số 3	Số 157 Đường Lý Thường Kiệt	Lý Thường Kiệt	7.070	92.04	100	7			
5	CH XD số 2	QL. 1A, P. Đông Giang	Quốc lộ 1A	603	89,32	60	5			
6	CH XD Thành Công	Số 52 Đường LTK., Đông Lễ	Lý Thường Kiệt	1.200	120	70	6			
7	CH XD Ngô Đồng 7	Số 187 Lê Duẩn, P. II, Đông Hà	Quốc lộ 1A	170	40	66.332	6			
8	CH XD số 110	QL. 9, P. I	Quốc lộ 9	-	-	-	-			Tạm ngừng
9	CHXD Ngô Đồng 4	QL. 1A, P. Đông Lương	Quốc lộ 1A	400	40	6	4			
10	CHXD số 9	QL.1A, P. Đông Lễ	Quốc lộ 1A	330	25	50	2			
11	CHXD số 19B	Số 345 Lê Duẩn, P. Đông Lễ	Quốc lộ 1A	150	52	35	2			
12	CHXD số 6	Km 3, QL.9, P 3	Quốc lộ 9B	1.236	92.04	75	4			
13	CHXD số 4	QL. 9D, P. Đông Lương	Quốc lộ 9D	3.750	171.36	100	3			
14	CHXD Nguyễn Du	Số 25 Nguyễn Du, P5	Nguyễn Du	663	155	75	4			
15	CHXD đường 9D (Cửa hàng XD Việt Lào 3)	Quốc lộ 9D, P. Đông Lễ	Quốc lộ 9D	1.720	122.4	75	48			
II	Thị xã Quảng Trị	4 cửa hàng								
16	CHXD số 20	QL. 1A, thị xã Q. Trị	Quốc lộ 1A	575	84,24	85	5			
17	CH XD Ngô Đồng 9	Số 142 Lê Duẩn, QL. 1A, Thị xã Q. Trị	Quốc lộ 1A	340	50	30	4			

18	CHI XD số 45	Số 45 Đường T.H.Đạo, TX Quảng Trị	Trần Hưng Đạo	333	100	40	4		
19	CHXD số 1	Số 124 Lê Duẩn, TX Quảng Trị	Quốc lộ 1A	1.320	55,96	55	4		
III	Huyện Vĩnh Linh	19 cửa hàng							
20	CHI XD số 32	QL 1A, TT Hồ Xá	Quốc lộ 1A	1.309	132	100	5		
21	CH XD số 29	QL 1A, xã Vĩnh Thành	Quốc lộ 1A	1.123	161,16	150	4		
22	Trạm xăng dầu số 27	QL 1A, xã Vĩnh Long	Quốc lộ 1A	1.931	270	75	4		
23	CH XD Việt Lào 02 (Sa Lung chuyển nhượng lại)	QL 1A, Sa Lung, V. Long	Quốc lộ 1A	907	100	75.000	4		
24	CHI XD Thái Bình	QL 1A, TT Hồ Xá	Quốc lộ 1A	3.100	234,456	35	2		
25	CHXD Châu Thị	QL 1A, Vĩnh Tiến	Quốc lộ 1A	1.100	100	45	3		
26	CHXD số 33	QL 1A, xã Vĩnh Chấp	Quốc lộ 1A	3.753	241,98	100	6		
27	CHXD Hồ Xá (Cây XD ngày 3)	QL 1A, TT Hồ Xá	Quốc lộ 1A	2.100	100	62.000	5		
28	CHXD số 34	Km 647+850 TT Bến Quan	Đường Hồ Chí Minh	5.665	96	150	4		
29	Thuyền bán dầu Diezen V74-00489	Bến cá Cửa Tùng		-	-	6	1		
30	CHXD Bình Minh	QL 1A, Lai Bình, Vĩnh Chấp	Quốc lộ 1A	4.000	230	210	6		
31	CHXD số 30	Tỉnh lộ 70, Vĩnh Tân, Vĩnh Linh	ĐT.574	1.200	76	75	3		
32	Thuyền bán dầu Diezen V74-00552	Bến cá Cửa Tùng		-	-	6	1		
33	CHXD-Gas số 31	Tỉnh lộ 572, xã Vĩnh Hiền	Quốc lộ 9D	1.088	84,24	50	2		
34	CHXD-Gas số 35	Thôn Đức Xá, xã Vĩnh Thủy	ĐT.573B	1.085	84,24	50	2		
35	CHXD Phú Hải số 5	Q. lộ 1A, Chấp Bắc, Vĩnh Chấp	Quốc lộ 1A	13.117	726,4	60	6		
36	CHI XD Vĩnh Lâm	Thôn Tiên Mỹ, Vĩnh Lâm	Đường liên xã	1.000	940	10	2		
37	CHXD Châu Thị 2	Thôn Tiên An, Vĩnh Sơn	Đường liên xã	180	50	20	2		
38	CHXD số 39	Km 736+500, tuyến tránh khu di tích đối bờ Hiền Lương, xã Vĩnh Sơn	Quốc lộ 1A	2.662	676,5	100	8	2017	
IV	Huyện Gio Linh	19 cửa hàng							

39	CHXD Cửa Việt	Thôn Tân Xuân, xã Gio Việt	Đường liên xã			24	2			
40	CH XD số 28	QL 1A, xã Gio Phong	Quốc lộ 1A	400	96	56	4			
41	CHXD số 27	QL 1A, Quán Ngang, xã Gio Quang	Quốc lộ 1A	1.253,4	169,2	75	5			
42	CH XD Đốc Miếu	QL1A, xã Gio Phong	Quốc lộ 1A	2.800	120	100	02			
43	CH XD Thuận Phát	QL1A, Xã Gio Phong	Quốc lộ 1A	2.958	160	90	4			
44	CHXD TT Gio Linh	300 Lê Duẩn, QL1A, TT Gio Linh	Quốc lộ 1A	503	82	70	3			
45	Kho XD Cửa Việt	Cảng Cửa Việt, Gio Việt	Quốc lộ 9	783	288	30	2			
46	Thuyền bán dầu Diczen	Cảng Cửa Việt, Gio Việt		-	-	8	1			
47	CHXD Ánh Tuyết	TT Cửa Việt	Quốc lộ 9	1.650	100	25	3			
48	Quầy dầu Diczen	Cảng Cửa Việt, TT Cửa Việt		-	-	-	-			Ngừng III)
49	CHXD đường 74	Đường 74, Gio Sơn	ĐT.577	500	28	55	4			
50	CHXD Huy Hoàng	Km5, Tlộ 75 tây, Trung Sơn	ĐT.576	1.214	36	45	3			
51	CHXD Hà Thanh	Km 0 + 300, tỉnh lộ 574, Gio Châu	ĐT.577	600	40	60	4			
52	CHXD Bến Sanh	Khu phố 6, thị trấn Gio Linh	ĐT.575a	623	60	40	3			
53	CHXD Phú Hải số 8	Km 6+300 QL 9, Mai Xá, Gio Mai	Quốc lộ 9	669	48,36	20	2			
54	CHXD Trạm dừng nghỉ Quán Ngang	Quốc lộ 1A, Hà Thanh, Gio Châu	Quốc lộ 1A	12.884	117	70	8			
55	CHXD Bích La	Thôn Hà Tây, xã Gio Châu	ĐT.575b							
56	CHXD Gio Mỹ	Thôn Nhĩ Thượng, Gio Mỹ	ĐT.575a	2.014	65	35	4			
57	Tàu bán dầu Đại Đoàn Thẳng	Thôn Xuân Ngọc, Gio Việt				70	1			

V	Huyện Cam Lộ	14 cửa hàng							
58	CH XD số 7	QL9, xã Cam Hiếu	Quốc lộ 9	561	97.2	45	3		
59	CH XD 27	QL9, thôn Thượng Lâm, xã Cam thành	Quốc lộ 9	1.738	70	45	2		
60	CH XD số 1 (Sông)	QL1A, ngã tư Sông, xã Cam An	Quốc lộ 1A	983	95,76	125	7		
61	CHXD số 26	QL1A, xã Cam An	Quốc lộ 1A	810	48	35	2		
62	CHXD Ánh Tuyết số 2	Km7, QL9, Cam Hiếu	Quốc lộ 9	1.94,3	86,13	75	4		
63	CHXD số 8B	QL9, TT Cam Lộ	Quốc lộ 9	244	35	20	2		
64	CHXD Ngõ Đồng 1	QL9, TT Cam Lộ	Quốc lộ 9	500	50	35	4		
65	CHXD An Phú	Km 8, QL9, Cam Hiếu	Quốc lộ 9	400	70	85	2		
66	CHXD Minh Khiêm số 3	Km 6+950, QL9, Cam Thủy	Quốc lộ 9 (đường tránh)						Ngừng HD
67	CHXD số 9	Km1080, Cầu Duối, đường HCM, TT Cam Lộ	Đường Hồ Chí Minh	8.684	215	75	4		
68	CHXD Tân Trường	Km 17 + 200 thôn Tân Trường, Cam Thành	Quốc lộ 9	7.440	262,5	150	8		
69	CHXD-Gas số 8	Thôn Minh Hương, xã Cam Chính	ĐT.585	865	84.24	50	2		
70	Trạm xăng dầu số 683	Km 8+400 QL. 9, xã Cam Hiếu	Quốc lộ 9	1.500	250	75	3		
71	Trạm xăng dầu 741	Km 8+080 QL. 9D, xã Cam Hiếu	Quốc lộ 9D	1.600	200	50	4		
72	CHXD Đức Phát	Km 11, QL.9, Cam Hiếu	Quốc lộ 9	7.469	51.8	100	4		
VI	Huyện Đakrông	5 cửa hàng							
73	CHXD số 10	QL9, TT Đa Krông	Quốc lộ 9	3.643	96	75	4		
74	CHXD Cầu Treo	QL9, xã Đakrông	Quốc lộ 9	4.318	102	100	4		
75	CHXD La Lay	Đường HCM, xã A Ngo	Đường Hồ Chí Minh	2.070	45	50	4		
76	CHXD Krong Klang	Khóm 2, TT Krong Klang	Đường liên xã	1.836	63	30	3		
77	CHXD An Phú 2	QL 15D, thôn A Đeng, xã A Ngo	Quốc lộ 15D	7.581	70	55	3		

VII	Huyện Hướng Hoá	15 cửa hàng								
78	CH XD số 17	QL9, TT Lao Bảo	Quốc lộ 9	3.100	178,5	75	5			
79	CHXD số 11	QL9, xã Tân Hợp	Quốc lộ 9	855	92,04	110	4			
80	CH XD Khe Sanh	QL9, TT Khe Sanh	Quốc lộ 9	468	120	75	4			
81	CHXD Đường 9	QL9, TT Khe Sanh	Quốc lộ 9	200	100	22	3			
82	CHXD số 16	QL9, xã Tân Thành	Quốc lộ 9	1.368	70	100	3			
83	CHXD Petec Lao Bảo	QL9, xã Tân Thành	Quốc lộ 9							
84	CH XD số 15	Ngã ba Tân Long								Ngừng HĐ
85	CHXD số 37	QL9, xã Tân Thành	Quốc lộ 9	2.178	231	50	2			
86	CHXD số 12	QL9, xã Tân Liên	Quốc lộ 9	1.177	96	75	3			
87	CHXD số 14	Làng Vây, xã Tân Long	Quốc lộ 9	8.765	234,9	100	3			
88	CHXD Đức Nhân Lao Bảo	Km83, QL 9, TT Lao Bảo	Quốc lộ 9	25.193	560	100	6			
89	CHXD Thuận Thành Công	Xã Thuận, Hướng Hoá	ĐT.586	2.100	80	50	4			
90	Trạm Xăng dầu số 21	Đường 14, Hướng Tân	Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây	13.606	75	75	3			
91	CHXD và DVTII Hướng Phùng	Thôn Xary, xã Hướng Phùng	Đường Hồ Chí Minh	1.535	354	25	3			
92	CHXD A Túc	Km 20, A Sỏi, A Túc	ĐT.586	2.000	200	25	3			
VIII	Huyện Triệu Phong	14 cửa hàng								
93	CH XD VINAPCO	QL.1A, TT Ái Tử	Quốc lộ 1A	928	150	57	2			
94	CH XD Ba Bền	Thôn Thâm Triều, Xã Triệu Tài	Quốc lộ 49C	268	120,75	25	4			
95	CH XD Bồ Bàn	Xã Triệu Phước	ĐT.580	1.131	20	40	3			
96	CHXD Ái Tử	QL.1A, TT Ái Tử	Quốc lộ 1A	1809,5	56	70	4			
97	CHXD Triệu An	Xã Triệu An	ĐT.580	50	15	33	1			
98	CHXD số 38	QL.1A, xã Triệu Ái	Quốc lộ 1A	3.094	231	50	5			

99	CHXD Ngọc Anh	Đại Hào, Triệu Đại	ĐT.580	650	90	30	4		
100	CHXD Triệu Long	Thôn Bích Khê, Triệu Long	ĐT.580	863	45	45	3		
101	CHXD Nhật Tân	Thôn Phú Hội, Triệu An	ĐT.580	744	105	40	5		
102	Thuyền bán dầu Diezen QT-0286	Thôn Phú Hội, Triệu An				12	1		
103	CHXD Triệu Thuận	Khu vực 6, Triệu Thuận	Đường liên huyện	1.200	150	85	4		
104	CHXD Chợ Cạn	Thôn Thượng Trạch, Triệu Sơn	DH.43	1.042	44	15	3		
105	CHXD Thiên An	QL1A, Nhan Biều, Triệu Thượng	Quốc lộ 1A	2.294	241	175	7		
106	CHXD và Gas số 36	Thôn Cổ Thành, Xã Triệu Thành	ĐT.580	683	84,24	50	2		
IX	Huyện Hải Lăng	12 cửa hàng							
107	CHXD số 24	QL1A, xã Hải Chánh	Quốc lộ 1A	614	84,24	70	4		
108	CHXD số 21	QL1A, xã Hải Lâm	Quốc lộ 1A	1.777	212,8	100	5		
109	CHXD Ngô Đồng 3	QL1A, xã Hải Thượng	Quốc lộ 1A	2.693	100	54	7		
110	CHXD Hải Lăng	QL1A, TT Hải Lăng	Quốc lộ 1A	1.556	72	75	4		
111	CHXD Diên Sanh	QL1A, TT Hải Lăng	Quốc lộ 1A	825	80	50	4		
112	CHXD Phú Hải số 6	QL1A, thôn Cầu Nhi, xã Hải Chánh	Quốc lộ 1A	1.714	219	65	5		
113	CHXD số 22	xã Hải Trường, Hải Lăng	Quốc lộ 1A	9.346	278,4	150	5		
115	CHXD Hải Phú	Hải Phú, Hải Lăng.	Quốc lộ 1A	392	259	16	2		
114	CHXD Hội Yên	Xã Hải Quế	Quốc lộ 49C	380	31,36	40	4		
116	CHXD Hải Thiện	Xã Hải Thiện	ĐT 582	500	27	20	2		
117	CHXD-Gas số 25	Cầu Nhi, Hải Tân	Đường Tân Sơn Hòa	1.521	84,24	50	2		
118	CHXD Phương Lang	Phương Lang, Hải Ba	Quốc lộ 49C	500	100	60	4		



Phụ lục 2
HIỆN TRẠNG ĐÀU TƯ XÂY DỰNG CHỢ TRÊN TOÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2017
TỪ NGUỒN VỐN CỦA TỈNH VÀ TRUNG ƯƠNG

STT	Tên chợ	Địa điểm (thuộc xã)	Hạng chợ	Diện tích xây dựng (m ²)	Vốn đầu tư giai đoạn 2011-2017 (triệu đồng)						Xây dựng/ Cải tạo, nâng cấp giai đoạn 2011-2017		Năm đưa vào hoạt động	Số hộ kinh doanh	Ghi chú
					Tổng	TW	Tỉnh	Huyện	Xã	Khác	Xây mới	Nâng cấp, Cải tạo			
I	Thành phố Đông Hà														
	(Không)														
II	Thị xã Quảng Trị				368	368	0								
1	Chợ Hải Lệ	Xã Hải Lệ	III	3.000	368	368					X				(Nguồn vốn NTM)
III	Huyện Vĩnh Linh				3.762	3.262	500								
1	Chợ Bến Quan	Thị trấn Bến Quan	III	3.000	2.000	1.500	500				X			120	
2	Chợ Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	III	1.500	1.762	1.762					X				
IV	Huyện Gio Linh				14.110	7.500	6.610								
1	Chợ Trung tâm Thị trấn Cửa Việt - Kiểm chợ đầu mối thủy sản	Thị trấn Cửa Việt	III	18.670	7.110	6.000	1.110				X			255	
2	Chợ Nam Đông	Xã Gio Sơn	III	8.000	4.000	1.500	2.500				X			159	
3	Chợ Kèn	Xã Trung Sơn	III	3.000	3.000		3.000				X			116	
V	Huyện Cam Lộ				5.000	2.000	3.000								
1	Chợ Trung tâm huyện Cam Lộ	Thị trấn Cam Lộ	III	7.000	2.000	2.000					X			150	
2	Chợ Cửa	Xã Cam Chính	III	5.000	3.000		3.000				X			106	
VI	Huyện Triệu Phong				9.578	3.368	6.210								

1	Chợ Trung tâm huyện Triệu Phong	Thị trấn Ái Tử	II	27.280	4.210	3.000	1.210				X			240	
2	Chợ Chùa	Xã Triệu Phước	III	3.000	1.368	368	1.000				X			120	(Nguồn vốn NTM)
3	Chợ Hà Tây	Xã Triệu An	III	850	3.000		3.000				X			42	
4	Chợ Triệu Đông	Xã Triệu Đông	III	3.000	1.000		1.000				X			30	
VII	Huyện Hải Lăng				8.799	3.349	5.450								
1	Chợ Hải Khê	Xã Hải Khê	III	3.000	981	981					X			32	
2	Chợ Hải An	Xã Hải An	III	3.000	2.000	2.000					X			32	
3	Chợ Long Hưng	Xã Hải Phú	III	3.000	368	368						X		32	(Nguồn vốn NTM)
4	Chợ Mỹ Chánh	Xã Hải Chánh	II	6.000	2.950		2.950				X			290	
5	Chợ Hải Hòa	Xã Hải Hòa	III	3.000	1.500		1.500				X			51	
6	Chợ Hải Dương	Xã Hải Dương	III	2.000	1.000		1.000				X				
VIII	Huyện Hướng Hóa														
	(Không)														
IX	Huyện Đa Krông														
	(Không)														
X	Huyện đàu Cồn Cỏ														
	(Không)														
	Tổng cộng				41.617	19.847	21.770				16	2			



Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TRỌNG ĐIỂM THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2017-2020

TT	Tên dự án	Quy mô dự án	Vốn dự kiến	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Ghi chú
I	Siêu thị					
1	Siêu thị Hồ Xá	Siêu thị tổng hợp - Hàng II (Diện tích trên 2.000 m ²)	40 tỷ	100% vốn nhà đầu tư	Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	
2	Siêu thị Quảng Trị	Siêu thị tổng hợp - Hàng II (Diện tích trên 2.000 m ²)	40 tỷ	100% vốn nhà đầu tư	Thị xã Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh	
II	Trung tâm thương mại					
1	Trung tâm thương mại Nạn Đông Hà	Trung tâm thương mại hạng III trở lên (Diện tích trên 10.000m ²)	50 tỷ	100% vốn nhà đầu tư	Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà	
2	Trung tâm thương mại Sông Đà (khu đất của Công ty cổ phần Sông Đà trước đây)	Trung tâm thương mại hạng III trở lên (Diện tích trên 10.000m ²)	50 tỷ	100% vốn nhà đầu tư	Phường 1, thành phố Đông Hà	
III	Trung tâm hội chợ					
1	Trung tâm thương mại và Hội chợ triển lãm tỉnh	Hạng III (Diện tích 75.000 m ²)	100 tỷ	PPP hoặc 100% vốn nhà đầu tư	Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà	
IV	Kho dự trữ xăng dầu					
1	Kho xăng dầu Việt Lào	Tổng công suất 200.000m ³ , giai đoạn I - 60.000m ³ (Diện tích đất 40 ha)	450 tỷ	100% vốn nhà đầu tư	Xã Triệu An, huyện Triệu Phong	
2	Kho xăng dầu Cửa Việt Petrolimex	Tổng công suất 30.000m ³ , giai đoạn I - 12.000m ³ (Diện tích đất 12 ha)	130 tỷ	100% vốn nhà đầu tư	Thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh	
V	Trung tâm logistics					
1	Thực hiện kêu gọi đầu tư các dự án tại Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh.					
	Tổng cộng		860 tỷ			



Phụ lục 4

DANH MỤC CÁC CHỢ CẤP, CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2017-2020

STT	Tên chợ	Địa điểm (thuộc xã)	Hạng chợ	Diện tích xây dựng (m ²)	Số hộ kinh doanh cố định	Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2017-2020 (tỷ đồng)					Xây mới/nâng cấp, cải tạo	Chợ nông thôn	Ghi chú
						2017	2018	2019	2020	Tổng			
I	Thành phố Đông Hà												
1	Chợ Đông Hà	Phường 1	I	33.660	2.087		5,0			5,00	NC		
2	Chợ Phường 4	Phường 4	III	1.605	124	2,0				2,00	XM		
3	Chợ Trung Chí	Phường Đông Lương	III	3.100	80			2,0		2,00	NC		
II	Thị xã Quảng Trị												
1	Chợ Ba Bến	Phường 2	III	3.000	50		3,0			3,00	NC		
III	Huyện Vĩnh Linh												
1	Chợ TT xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	III	3.000					5,0	5,00	XM		
2	Chợ Thủy Trung	Xã Vĩnh Trung	III	1.500	30		3,0			3,00	NC	x	
3	Chợ TT xã Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	III	2.000	40		3,0			3,00	NC		(Chưa BSQH)
4	Chợ Cháp Lễ	Xã Vĩnh Cháp	III	1.500	20			5,0		5,00	XM	x	
5	Chợ Tiên Mỹ	Xã Vĩnh Lâm	III	1.500	50			5,0		5,00	XM	x	
IV	Huyện Gio Linh												
1	Chợ Hải Thái	Xã Hải Thái	III	1.400	40	6,0				6,00	XM	x	
2	Chợ Mai Xá	Xã Gio Mai	III	3.400	55		6,0			6,00	XM	x	
3	Chợ Hóm Gio Việt	Xã Gio Việt	III	3.000	150		6,0			6,00	XM	x	
4	Chợ Cầu	Thị trấn Gio Linh	II	7.300	240			10,0		10,00	NC		
V	Huyện Cam Lộ												
1	Chợ Cam Hiếu	Xã Cam Hiếu	III	2.192	60		3,0			3,00	XM	x	

VI	Huyện Triệu Phong												
1	Chợ Triệu Thuận	Xã Triệu Thuận	III	4.800	125		1,0	2,5		3,50	XM	x	
2	Chợ Gia Độ	Xã Triệu Độ	III	3.000	105		2,0	1,5		3,50	XM	x	
3	Chợ Bả Bản	Xã Triệu Phước	III	4.000	190		2,0			2,00	NC	x	
VII	Huyện Hải Lăng												
1	Chợ TT Thị trấn Hải Lăng	Thị trấn Hải Lăng	III	3.000	70	3,5				3,50	NC		
2	Chợ Hải Dương	Xã Hải Dương	III	2.000	14	4,0				4,00	XM	x	
3	Chợ Bến Đá	Xã Hải Trường	III	1.000	47		3,3			3,30	XM	x	
4	Chợ Kim Long	Xã Hải Quế	III	3.000	75			4,5		4,50	XM	x	
5	Chợ Hải Xuân	Xã Hải Xuân	III	1.000	80				5,0	5,00	XM	x	
6	Chợ Cỏ Lũy	Xã Hải Ba	III	1.000	30				4,0	4,00	XM	x	
VIII	Huyện Đa Krông												
1	Chợ Tà Rụt	Xã Tà Rụt	II	10.000			7,0			7,00	XM	x	(phục vụ 7 xã lân cận)
2	Chợ Ba Lòng	Xã Ba Lòng	III	3.000				5,0		5,00	XM	x	(phục vụ 3 xã lân cận)
3	Chợ Hướng Hiệp	Xã Hướng Hiệp	III	3.000					5,0	5,00	XM	x	
IX	Huyện Hướng Hóa												
1	Chợ A Túc	Xã A Túc	III	10.000					10,0	10,00	XM	x	
2	Chợ Tân Liên	Xã Tân Liên	III	2.000	54	6,2				6,20	NC	x	
3	Chợ Hướng Phùng	Xã Hướng Phùng	III	2.000	16		3,0			3,00	NC	x	
	Tổng cộng						15,50	44,30	35,50	29,00	124,30		